BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM 2018-2019

LỚP D16QX- GVCV : LÊ THỊ ÁI NHÂN

STT	mã số	Họ và	tên	TC1 (0-:-20)				TC2 (0-:-25)		TC3 (0-:-20)		TC4 (0-:-25)		TC5 (0-:-10)						HM	BHYT	TỔNG ĐIỂM				GHI CHÚ
				lớp	khoa	ht	khoa	lớp	khoa	lớp	khoa	lớp	khoa	lớp	hsv	Đoan TN	khoa (phụ trách lớp, ĐTN, HSV)	khoa (HĐ phong trào)	khoa (HĐ học thuật)	5đ	-10	lớp	x.loại	khoa	x.loại	
1	16DQ5803020001	Trần Nhật	Bảo	11	3	10	13	25	25	11	11	19	17	7	1		10					73	Khá	**76**	Khá	CHP,
2	16DQ5803020002	Nguyễn Ngọc Lan	Chi	16	6	8	14	25	25	11	11	17	17		1		8		2			69	Khá	**77**	Khá	
3	16DQ5803020004	Lương Công	Chính	16	6	8	14	25	25	11	11	21	17		1		6		2			73	Khá	**75**	Khá	
4	16DQ5803020006	Trần Quang	Đạo	13	3	8	11	25	15	13	13	19	17		1		8					70	Khá	**64**	TB	
5	16DQ5803020007	Hồ Tấn	Đạt	13	3	8	11	25	25	13	13	19	17		2		9					70	Khá	**75**	Khá	
6	16DQ5803020009	Tạ Công	Hiếu	18	6	12	18	25	25	14	14	21	17	7	4		10		2	5		85	Tốt	**91**	XS	HT, UV BCH, LCH
7	16DQ5803020010	Nguyễn Văn	Hoà	16	6	8	14	25	25	9	9	19	17		2		7		2			69	Khá	**74**	Khá	
8	16DQ5803020011	Nguyễn Minh	Hoan	7	3	8	11	25	15	11	11	19	17		1		5					62	TB	**59**	TB	
9	16DQ5803020012	Nguyễn Tiến	Hưng	16	6	10	16	25	15	13	13	21	17		2		9		2			75	Khá	**72**	Khá	
10	16DQ5803020013	Đinh Chính	Huy	11	3	0	3	25	25	11	11	19	17		1		6					66	Khá	**62**	TB	
11	16DQ5803020014	Lê Thị Hồng	Lĩnh	20	6	12	18	25	25	13	13	21	17	7	1		10		5			86	Tốt	**88**	Tốt	LPSH, UVCH,
12	16DQ5803020024	Nguyễn Thị Hoàng	Tuyết	14	6	8	14	25	25	13	13	21	17	7	0		10		2	5		80	Tốt	**86**	Tốt	LPHT,
13	16DQ5803020025	Phạm Thị Thu	Hằng	18	6	12	18	25	25	14	14	21	17	10	2		10		5			88	Tốt	**89**	Tốt	LT,
14	16DQ5803020026	Võ Minh	Hiếu	18	6	12	18	25	25	16	16	19	17	7	2		10		2			85	Tốt	**88**	Tốt	BT, UV LCH,
15	16DQ5803020031	Nguyễn Minh	Kiệt	10	6	0	6	25	25	11	11	19	17	10	0		10		2			75	Khá	**71**	Khá	
16	16DQ5803020035	Nguyễn Ngọc	Hân	0	3	0	3	25	15	0	0	0	17		2		2					25	Kém	**37**	Yếu	
17	16DQ5803020015	Huỳnh Vạn	Năng	15	3	10	13	25	25	13	13	19	17		1		5		-5			72	Khá	**68**	Khá	
18	16DQ5803020034	THONEMANY	Nat	13	3	0	3	25	25	10	10	16	17		2		5					64	TB	**60**	TB	
19	16DQ5803020016	Trần Thị	Ngà	18	6	10	16	25	25	12	12	21	17		1		9		5			76	Khá	**84**	Tốt	
20	16DQ5803020018	Hồ Thị	Nhạn	18	6	10	16	25	25	13	13	21	17	10	1		10		10	5		87	Tốt	**96**	XS	
21	16DQ5803020019	Lê Duy	Nhất	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		1		1					0	Kém	**1**	Kém	
22	16DQ5803020033	Trương Thị	Ni	13	3	8	11	25	25	13	13	17	17		2		10			5		68	Khá	**81**	Tốt	
23	16DQ5803020029	Bùi Thị Bích	Phượng	11	6	0	6	25	15	13	13	19	17		0		5		2			68	Khá	**58**	TB	
24	16DQ5803020020	Nguyễn Thanh	Sang	14	6	8	14	25	25	11	11	19	17		1		6		7			69	Khá	**80**	Tốt	
25	16DQ5803020028	Văn Tấn	Tài	16	6	8	14	25	25	9	9	21	17		2		10			5		71	Khá	**80**	Tốt	
26	16DQ5803020021	Hồ Thị Như	Thảo	11	3	8	11	25	25	13	13	21	17	5	1		10			5		75	Khá	**81**	Tốt	UV,
27	16DQ5803020032	Văn Thị Minh	Thư	18	6	10	16	25	25	13	13	19	17		1		9		2			75	Khá	**82**	Tốt	
28	16DQ5803020022	Lương Bảo	Thuận	11	3	0	3	25	25	10	10	19	17		1		4					65	Khá	**59**	TB	
29	16DQ5803020030	Nguyễn Thị Bích	Trà	15	6	10	16	25	25	11	11	19	17		0		8		2			70	Khá	**79**	Khá	
30	16DQ5803020023	Lê Anh	Tuấn	18	6	12	18	25	25	13	13	21	17	7	1		8		10	5		84	Tốt	**96**	XS	PBT,

Ngày tháng năm

Chủ nhiệm Khoa

BẢNG TỔNG HỢP

XL	XS	Tốt	Khá	TBK	TB	Yếu	Kém	TC
SL	3	10	9	0	6	1	1	30
%	7.9	26.3	23.7	0.0	15.8	2.6	2.6	79

Người lập

Trần Thị Quỳnh Như

Lê Thị Ngọc Thảo

I,